`

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T.** **THÀNH PHỐ H.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày: 13/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T. – THÀNH PHỐ H.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Lan H.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim V. và bà Nguyễn Thị T.
Thư ký phiên tòa*:* Bà Hứa Thị H. - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thúy H. - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T., Thành phố H. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18 /2022/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN CÔNG T., sinh năm 1987 tại H. Tên gọi khác: Không; Đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Q., quận Đ., Thành phố H.; Chỗ ở: số 63, tổ 10 phường P., quận H., TP H.; Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Công T. và bà Đào Thị H.; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến nay. (Có mặt)

* Bi hai: Công ty TNHH KTIRE

- Đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Thiên V., sinh năm 1988;

Địa chỉ: 1034VP5 – Dịch vụ và nhà ở Hồ Linh Đ., phường H.., quận H., TP H. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Mai L., sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 16 – TT6A T. Đàm, phường H., quận H., TP H. (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị T., sinh năm 1992; Địa chỉ: Ngõ 15, phường B., quận H., thành phố H. (có mặt).

- Chị Ngô Thị T., sinh năm 1975; Địa chỉ: T., huyện T., tỉnh H. (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị B., sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu 6 thị trấn L., huyện T., tỉnh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Thị T., sinh năm 1976; Địa chỉ: Phố Q., phường Đ., thành phố T., tỉnh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/4/2016, Nguyễn Công T. ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Lốp xe ô tô, mã số doanh nghiệp: 0106957649 (tháng 01/2017, Công ty TNHH Lốp xe ô tô thay đổi đăng ký kinh doanh và đổi tên thành Công ty TNHH KTIRE, chuyển trụ sở, kho hàng đến Cụm công nghiệp Q. mở rộng, xã N., huyện T., TP. H. do anh Nguyễn T. làm giám đốc. Công việc của T. được giao là: khi có lệnh điều động của kế toán bán hàng đi giao hàng (lốp xe ô tô các loại) thì nhận lệnh, xếp hàng và lái xe của Công ty đi giao cho khách; lái xe có thể thu tiền mặt của khách hàng và nộp lại ngay về cho Công ty trong ngày.

Khoảng trưa ngày 12/9/2017, chị Lê Thị T. là kế toán bán hàng của Công ty TNHH KTIRE nhận được đơn đặt hàng của 03 khách hàng gồm:

- Đại lý Phạm Văn D. ở khu 6, thị trấn L., T., T.đặt mua : 08 bộ lốp VEYRON 11.00 R20 AL801 với giá 4.300.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền: 34.400.000 đồng; 10 bộ lốp VEYRON 11.00 R20 AL803 với giá 4.400.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền: 44.000.000 đồng; 10 bộ lốp VEYRON 12.00 R20 AL803 với giá 4.700.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền: 47.000.000 đồng; 10 bộ lốp xe du lịch PRESA 155 R12CPV99 với giá 990.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền là: 9.900.000. Tổng giá trị đơn hàng của Đại lý Phạm Văn Dũng là 135.300.000 đồng (một trăm ba mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Công ty TNHH Đức Tú (gọi tắt là công ty Đức Tú) ở Phường Đ., TP T., T. đặt mua: 10 bộ lốp xe tải VEYRON 12.00 R20 AL803 với giá 4.700.000 đồng/1 bộ lốp,

thành tiền 47.000.000 đồng; 08 bộ lốp xe tải VEYRON 11.00 R20 AL803 với giá 4.400.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền 35.200.000 đồng; 02 bộ lốp xe tải VEYRON 11.00 R20 AL801 với giá 4.300.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền 8.600.000 đồng. Tổng trị giá đơn hàng của Công ty Đức Tú là: 90.800.000 đồng (chín mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại T. (gọi tắt là Công ty T.) ở xã T., huyện T., tỉnh H. số lượng: 04 bộ lốp xe tải VEYRON 12.00 R20 AL801 với giá 4.500.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền 18.000.000 đồng; 06 bộ lốp xe tải VEYRON 11.00 R20 AL803 với giá 4.300.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền 25.800.000 đồng; 04 bộ lốp xe tải VEYRON 12.00 R20 AL803 với giá 4.600.000 đồng/1 bộ lốp, thành tiền 18.400.000 đồng. Tổng trị giá đơn hàng của Công ty T. là 62.200.000 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi nhận đơn hàng, chị T. điện thoại và điều động cho Nguyễn Công T. đi giao số lượng hàng hóa của 03 đơn hàng trên. Nhận được điều động, T. điều khiển xe ô tô tải BKS: 29C-401.23 của công ty TNHH KTIRE đến kho hàng của công ty tại Cụm công nghiệp Q., huyện T. gặp anh V. là thủ kho để nhận hàng. Sau khi đã nhận đủ số lượng hàng hóa của 03 đơn hàng trên, chị T. đưa T. phiếu xuất kho, chứng từ bán hàng cụ thể của từng đơn hàng và yêu cầu T. trực tiếp thu tiền của khách và nộp lại ngay cho chị Trang sau khi về đến công ty. T. đã trực tiếp giao hàng và nhận tiền từ các Công ty và đại lý thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH KTIRE, cụ thể như sau:

- Nhận số tiền 62.200.000 đồng từ chị Ngô Thị T. là thủ quỹ Công ty T.. Khi nhận tiền, Nguyễn Công T. ký xác nhận vào phiếu chi tiền của Công ty Thành Long.

- Nhận số tiền 90.800.000 đồng từ chị Trần Thị T. là giám đốc Công ty Đ. Nguyễn Công Thành đã ký xác nhận vào phiếu chi tiền của Công ty Đức Tú.

- Nhận số tiền 115.300.000 đồng từ chị Nguyễn Thị B. là nhân viên của đại lý Phạm Văn D. (Đại lý Phạm Văn Dũng nợ lại Công ty TNHH KTIRE 20.000.000 đồng).

Tổng số tiền T. đã nhận của các Công ty, đại lý trả tiền mua hàng cho Công ty TNHH KTIRE là 268.300.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T. lái xe về kho của công ty cất xe. Lúc này, do cần tiền để tiêu xài và trả nợ nên T. đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. T. đã không nộp

lại tiền cho kế toán và tự ý bỏ việc không đến công ty làm việc nữa và đã tiêu xài hết số tiền trên.

Ngoài ra, trong thời gian còn làm việc tại Công ty TNHH KTIRE, T. có ứng trước tiền lương là 15.000.000 đồng, được công ty giao trước tiền xăng xe là 5.000.000 đồng đều nhận từ chị T. - kế toán của công ty và vào khoảng tháng 8/2017, Thành có vay của chị Nguyễn Thị Mai L. là Phó giám đốc Công ty TNHH KTIRE số tiền 19.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2017, chị Nguyễn Thị Mai L. đã gặp Nguyễn Công T. tại quán cà phê tầng 1, N4A Bán đảo L., phường H., quận H., TP. H.. T. đã viết tường trình thừa nhận chiếm đoạt tổng số tiền 268.300.000 đồng là tiền khách hàng trả công ty vào ngày 12/9/2017 và thừa nhận hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 39.000.000 đồng mà Thành đã nhận trước đó bao gồm tiền ứng lương, đổ xăng xe và tiền vay của chị Mai Long. T. hẹn với chị M. đến ngày 25/9/2017 sẽ trả lại cho Công ty và chị M. toàn bộ số tiền 307.300.000 đồng, nhưng sau đó Thành đã không trả lại tiền và bỏ trốn.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu sau:

- 01 (một) phiếu chi số PC00336 ngày 12/9/2017 của Công ty TNHH đầu tư & thương mại T. lập do ông Lê Thành L. giao nộp, ký hiệu A1

- 01 (một) phiếu chi số 01 ngày 12/9/2017 của Công ty TNHH Đ. lập do bà Trần Thị Tú giao nộp, ký hiệu A2

- 01 (một) giấy vay tiền đề ngày 19/10/2017 mang tên N. do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A3

- 01 (một) bản tường trình đề ngày 19/10/2017 mang tên N.do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A4

- 01 (một) bản tường trình đề ngày 19/9/2017 mang tên N. do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A5

- 01 (một) lệnh xuất hàng ngày 12/9/2017 xuất hàng giao cho khách hàng Phạm Văn Dũng do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A6

- 01 (một) lệnh xuất hàng ngày 12/9/2017 xuất hàng giao cho khách hàng Đức Tú do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A7

- 01 (một) lệnh xuất hàng ngày 12/9/2017 xuất hàng giao cho khách hàng Thành Long do anh Nguyễn Thiên Vương giao nộp, ký hiệu A8

Ngày 26/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thường Tín đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 22 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội giám định chữ ký trên các tài liệu đã thu thập được có phải là chữ ký của Nguyễn Công Thành hay không.

Tại Kết luận giám định số 1324/KLGĐ-PC54(Đ4) ngày 09/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Công Thành trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A2 đến A8) với chữ ký, chữ viết dòng họ tên "Nguyễn Công Thành" trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M7) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Không đủ cơ sở giám định chữ ký đứng tên Nguyễn Công Thành trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Nguyễn Công Thành trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M7).

Sau khi phạm tội Nguyễn Công Thành bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 18/12/2021 Thành đến Công an phường Biên Giang, quận Hà Đông, TP. Hà Nội đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thiên Vương - Giám đốc Công ty TNHH KTIRE yêu cầu Nguyễn Công Thành phải trả lại công ty TNHH KTIRE số tiền là 288.300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mai Long yêu cầu Nguyễn Công Thành trả lại số tiền 19.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT – VKS ngày 13/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố bị cáo Nguyễn Công Thành phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T. phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Công T. từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (18/12/2021)

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc Nguyễn Công T. phải trả cho Công ty TNHH KTIRE số tiền 288.300.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng); chị Nguyễn Thị Mai L. số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). (Bị cáo cùng gia đình khắc phục thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng, hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện T., tại biên lai thu số AA/2020/0017436 ngày 30/5/2022, nay bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 287.300.000 đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy sai lầm, rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Công T. có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của công ty TNHH KTIRE và chị Nguyễn Thị Mai L. sau đó bỏ trốn. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Ngày 12/9/2017, Nguyễn Công T. lợi dụng lòng tin và công việc được giao sau khi nhận được lệnh điều động của Công ty, Nguyễn Công T. là lái xe của Công ty TNHH KTIRE đã nhận hàng từ kho của công

ty tại Cụm công nghiệp Q., huyện T., TP. H. và đi giao hàng là lốp xe ô tô tại 03 địa điểm với 03 khách hàng gồm:

- Đại lý Phạm Văn D. ở khu 6, thị trấn L., huyện T., tỉnh T. với tổng giá trị đơn hàng là 135.300.000 đồng (một trăm ba mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng)

- Công ty TNHH Đ.ở phường Đ., TP. Th., tỉnh Th. với tổng trị giá đơn hàng là: 90.800.000 đồng (chín mươi triệu tám trăm nghìn đồng)

- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thành Long ở xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam với tổng trị giá đơn hàng là 62.200.000 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng)

Sau khi giao hàng cho khách, Nguyễn Công T. đã trực tiếp thu tiền hàng từ 03 khách hàng trên với tổng số tiền là 268.300.000 đồng (trong đó Đại lý Phạm Văn Dũng nợ lại 20.000.000 đồng). Sau đó, T. lái xe về Công ty TNHH KTIRE cất xe nhưng không nộp lại tiền hàng đã thu cho Công ty và tự ý nghỉ việc không đến Công ty nữa đồng thời bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền trên của Công ty.

Ngoài số tiền hàng 268.300.000 đồng, T. đã chiếm đoạt của Công ty TNHH KTIRE số tiền 20.000.000 đồng bao gồm 15.000.000 đồng là tiền ứng lương và 5.000.000 đồng là tiền công ty giao trước cho Thành để đổ xăng xe khi đi giao hàng cho công ty; chiếm đoạt số tiền 19.000.000 đồng là tiền Thành đã vay trước đó của chị Nguyễn Thị Mai Long - Phó giám đốc Công ty TNHH KTIRE hứa hẹn nhưng không trả.

Tổng số tiền Nguyễn Công T. đã chiếm đoạt của Công ty TNHH KTIRE và chị Mai Long là 307.300.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện T. truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, bị cáo lợi dụng lòng tin và công việc được giao để chiếm đoạt số tiền hàng của công ty TNHH KTIRE và chị L. tổng số tiền 307.300.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương vì vậy,

cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự; Gia đình bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại (số tiền 20.000.000 đồng), gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, mẹ bị cáo hiện bị bệnh hiểm nghèo nên phần nào xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhận thức được hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo không có việc làm và không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của công ty TNHH KTIRE tổng số tiền 288.300.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng) và của chị Nguyễn Thị Mai L. 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). Tại phiên tòa, đại diện công ty và chị Mai L. yêu cầu bị cáo T. phải hoàn trả cho công ty TNHH KTIRE và chị Mai Long toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là có căn cứ, nên sẽ buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền trên. Gia đình và bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng (hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín số AA/2020/0017436 ngày 30/5/2022), để hoàn trả cho công ty TNHH KTIRE 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Mai Long 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), nên buộc bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 278.300.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng) trả cho công ty TNHH KTIRE và tiếp tục nộp số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) trả cho chị Nguyễn Thị Mai Long là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 586; 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/6/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Thành phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T. 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (18/12/2021)

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Công T. phải hoàn trả công ty TNHH KTIRE tổng số tiền 288.300.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng) và chị Nguyễn Thị Mai L. 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để hoàn trả cho công ty TNHH KTIRE 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Mai L. 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) (tại biên lai thu số AA/2020/0017436 ngày 30/5/2022 chi cục thi hành án dân sự huyện T.). Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 278.300.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng) để trả cho công ty TNHH KTIRE và tiếp tục nộp số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) trả cho chị Nguyễn Thị Mai Long.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án phải có đơn yêu cầu thi hành án để thi hành. Bị cáo Nguyễn Công T. chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T. phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.365.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Lan H.

Nơi nhận:
- TAND TP H.;
- VKSND huyện T.;
- Sở tư pháp H.;
- Công an huyện T.;
- Chi cục THADS huyện T.;
- Bị cáo; Bị hại,
- Người có QLNV liên quan
-Những người tha gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án.

Giải thích về chế định án treo: Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù